# BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN VẬT LIỆU (MSDS)

## 1. DANH TÍNH CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

**TÊN SẢN PHẨM: SINGTEC HYDRAULIC AW 46**
**CẤP PHẨM CHẤT: HM CẤP ĐỘ NHỚT: 46**
**KHUYÊN DÙNG**: Dầu thủy lực chống mài mòn.
**KHUYẾN CÁO**: Sản phẩm này không nên được sử dụng cho mục đích khác so với khuyến cáo của nhà sản xuất.
**TÊN CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN AP SAIGON PETRO**
Lầu 1, 6B Tôn Đức Thắng, P. Sài Gòn, TP.HCM
Hotline: 1900 0104
E-mail: info@apsaigonpetro.com.vn
**Liên hệ khẩn cấp**: 1900 0104 (Tổng đài CSKH)
114 (Cứu hỏa)
115 (Cứu thương)

## 2. THÀNH PHẦN GÂY HẠI

Sản phẩm không bao gồm các thành phần nguy hiểm được cảnh báo.

**PHÂN LOẠI NGUY HẠI:** Không nguy hại.

**TỪ CẢNH BÁO:** Không có từ cảnh báo.

**TRẠNG THÁI NGUY HẠI:** Không.

**KÝ HIỆU:** Không.

**NGUY HẠI KHÁC:** Việc bắn dầu dưới áp lực cao vào da có khả năng gây nguy hiểm nặng. Việc phơi nhiễm quá mức với dầu có khả năng gây nguy hại tới mắt, da hoặc hệ hô hấp nếu tiếp xúc thường xuyên và trực tiếp mà không trang bị bảo hộ

## 3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

**TÊN HÓA HỌC VÀ TỪ ĐỒNG NGHĨA:** Dầu gốc và phụ gia.

| Tên thành phần | CAS Number | EC Number | % Khối lượng |
|---|---|---|---|
| Chưng cất (dầu mỏ), paraffin nặng được xử lý bằng hydro | 64742-54-7 | 265-157-1 | ≥ 95 |

**THÀNH PHẦN NGUY HIỂM:** Không chứa các chất hoặc phức chất độc hại trong danh mục.

## 4. SƠ CỨU BAN ĐẦU

**HÍT PHẢI KHÍ ĐỘC:** gọi XE CẤP CỨU hoặc bác sĩ/kỹ thuật viên nếu nạn nhân khó thở, nguy kịch.

**TIẾP XÚC VỚI DA:** rửa sạch nhẹ nhàng với nước trong vòng 15 phút và loại bỏ quần áo nhiễm bẩn. Nếu bị kích ứng nặng sau khi tiếp xúc với da thì cần được chăm sóc y tế ngay.

**TIẾP XÚC VỚI MẮT:** rửa nhẹ nhàng bằng nước sạch liên tục trong vài phút, lưu ý tháo kính áp tròng nếu có sửu dụng. Tiếp tục rửa. Nếu bị kích ứng nặng liên hệ ngay với cơ sở y tế gần nhất để sơ cấp cứu.

**NẾU NUỐT PHẢI**: Nhanh chóng đưa nạn nhân đến cơ sở y tế nơi dần nhất hoặc liên hệ bác sỹ để sơ cấp cứu.

## 5. PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

### PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY:

- **Phương tiện chữa cháy phù hợp**: Phun nước dạng sương, bột, bột khô hoặc $CO_2$
- **Phương tiện chữa cháy không phù hợp**: Phun thẳng nước vào ngọn lửa đang cháy.

### PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY:

- **Hướng dẫn chữa cháy**: Kiểm soát không cho ngọn lửa lan rộng ra bằng các nguồn nước ở gần nhất như nước ở hệ thống chữa cháy, đường ống, nước sinh hoạt. Người tham gia chữa cháy nên được trang bị đầy đủ quần áp bảo hộ, mặt nạ dưỡng khí và bình thở oxy (SCBA). Dùng nước để làm ướt tối đa các bề mặt tiếp xúc với ngọn lửa của người tham gia chữa cháy.
- **Khí cháy độc hại**: Khói, khí độc, aldehyde, oxit cacboon, oxit lưu huỳnh, oxit nito, oxit kim loại, hydrogen sulfide, mercaptan, photpho oxit, các sản phẩm không cháy sạch.

## 6. PHƯƠNG PHÁP ĐỀ PHÒNG RỦI RO

Trong trường hợp xảy ra sự cố tràn hoặc rò rỉ, thông báo ngay cho các bộ phận có trách nhiệm liên quan.

### BIỆN PHÁP BẢO VỆ:

- Tránh tiếp xúc với vị trí bị tràn hoặc rò rỉ.
- Không chạm hoặc giẫm lên chất bị tràn hoặc rò rỉ.
- Các biện pháp bổ sung cần thiết tùy thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể theo chỉ dẫn của các chuyên gia phản ứng khẩn cấp (tham khảo phần 8).

### XỬ LÝ SỰ CỐ TRÀN:

- **Tràn ra đất**: Bịt ngay chỗ rò rỉ nếu không có những mối nguy hại. Phục hồi bằng cách bơm hoặc thấm dầu phù hợp.
- **Tràn ra nước**: bịt ngay chỗ rò rỉ nếu không có những mối nguy hại. Dùng máy cẩu để hạn chế tràn ngay lập tức. Cảnh báo cho những tàu khác. Nếu đang chuyển hàng, phát thông báo để tránh xa. Sử dụng chất hấp thụ bề mặt thích hợp và tham vấn chuyên gia ứng phó sự cố khi sửu dụng các chất phân tán.

Sự cố tràn ra đất và nước được cảnh báo dựa trên những sự cố tràn tương tự dành cho nguyên liệu này. Tuy nhiên, các điều kiện tự nhiên như gió, nhiệt độ, sóng cũng sẽ là nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình xử lý. Vì lý do này, nên tham khảo các chuyên gia ứng phó sự cố để đưa ra giải pháp thích hợp.

### THẬN TRỌNG VỚI MÔI TRƯỜNG:

- **Sự cố tràn với lượng nhỏ**: Thấm dầu bằng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy, cho vào thùng chứa và xử lý sau.
- **Sự cố tràn với lượng lớn**: Cách ly chất lỏng để xử lý. Không cho nguồn chất lỏng thấm vào nguồn nước hay tràn ra hệ thống cống, tầng ngầm hoặc các khu vực kín khí khác.

## 7. VẬN CHUYỂN VÀ TỒN TRỮ

**VẬN CHUYỂN**: Rửa tay thật sạch sau khi bốc dỡ, vận chuyển. Không thải bỏ sản phẩm ra môi trường.

**TỒN TRỮ**: tồn trữ theo đúng các quy định thông thường đối với các nguyên vật liệu. Bảo quản trong nhà, nơi có mái che. Tránh lưu trữ ở nơi có nhiệt độ trên 60ºC.

## 8. BẢO VỆ CÁ NHÂN/KIỂM SOÁT PHÁT THẢI

### GIỚI HẠN PHÁT THẢI:

| | ACGIH TLV/TWA | ACGIH STEL | OSHA PEL |
|---|---|---|---|
| Sương dầu (dầu khoáng) | 5mg/$m^3$ | 10mg/$m^3$ | 5mg/$m^3$ |

**KIỂM SOÁT CÔNG NGHỆ:** Không có yêu cầu đặc biệt ở điều kiện thông thường.

**BẢO VỆ CÁ NHÂN:** lựa chọn và sử dụng các thiết bị cá nhân có liên quan đến rủi ro của sản phẩm, nơi làm việc, các sản phẩm đã qua xử lý.

- **Bảo vệ mắt**: Nên dùng kính bảo hộ nếu có khả năng sản phẩm bị dính lên mắt.
- **Bảo vệ da và cơ thể**: trong điều kiện thông thường không gây kích ứng da. Nên vệ sinh công nghiệp tại nơi làm việc và khuyến cáo tránh tiếp xúc trực tiếp với da
- **Bảo vệ tay:** không có yêu cầu đặc biệt ở điều kiện thông thường.
- **Bảo vệ hô hấp**: không có yêu cầu đặc biệt ở điều kiện thông thường.
- **Các biện pháp vệ sinh đặc biệt**: luôn đảm bảo vệ sinh cá nhân đặc biệt là sau khi vận chuyển, bốc dỡ và trước khi ăn, uống, hút thuốc. Vệ sinh sạch sẽ quần áo làm việc để loại bỏ các chất độc có nguy cơ dính vào và loại bỏ nếu không thể vệ sinh được. Vệ sinh thường xuyên kho chứa sản phẩm.

## 9. TÍNH CHẤT HÓA LÝ CỦA SẢN PHẨM

**TRẠNG THÁI VẬT LÝ:** Chất lỏng
**MÀU:** Max 1.5
**ĐỘ NHỚT ĐỘNG HỌC [PHƯƠNG PHÁP]:** 42.0 ÷ 50.0 cSt ở 40ºC [ASTM D445]
**MÙI:** Mùi dầu khoáng nhẹ
**NGƯỠNG MÙI:** Không xác định
**pH:** Không xác định
**ĐIỂM NÓNG CHẢY/ĐÔNG ĐẶC:** Không xác định
**ĐIỂM ĐÔNG ĐẶC:** ≤ -9
**ĐIỂM SÔI/ KHOẢNG SÔI:** Không xác định
**ĐIỂM CHỚP CHÁY [PHƯƠNG PHÁP]:** ≥ 210ºC [ASTM D92]
**TỐC ĐỘ BAY HƠI:** < 0.01
**TÍNH DỄ CHÁY:** Không xác định
**GIỚI HẠN CHÁY (xấp xỉ % thể tích trong không khí):** Không xác định
**ÁP SUẤT HƠI:** Không xác định
**KHỐI LƯỢNG RIÊNG HƠI (không khí = 1):** Không xác định
**TỶ TRỌNG (nước = 1.0):** 0,85 ÷ 0,87 ở 15ºC
**ĐỘ HÒA TAN TRONG NƯỚC:** Không xác định
**HỆ SỐ PHÂN TÁCH (n-octanol/water):** Không xác định
**NHIỆT ĐỘ TỰ KÍCH CHÁY:** Không xác định

**NHIỆT ĐỘ PHÂN HỦY:** Không xác định

## 10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

**KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG:** Sản phẩm này được ghi nhận không gây ra bất kỳ phản ứng độc hại nào.

**ĐỘ ỔN ĐỊNH HÓA HỌC:** Sản phẩm ổn định ở điều kiện thông thường.

**KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC PHẢN ỨNG ĐỘC HẠI:** Không xảy ra các phản ứng độc hại.

**ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH:** quá nhiệt, nguồn kích cháy.

**VẬT LIỆU KHÔNG TƯƠNG THÍCH:** Tác nhân oxy hóa mạnh.

**SẢN PHẨM PHÂN HỦY ĐỘC HẠI:** Sản phẩm này không phân hủy ở nhiệt độ thường.

## 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

**MỨC ĐỘ ĐỘC TÍNH:** Dữ liệu không có sẵn.

**ĂN MÒN / KÍCH ỨNG DA:** Mức độ nhẹ, hoàn toàn không gây kích ứng ở nhiệt độ thường.

**KÍCH ỨNG / TỔN THƯƠNG MẮT:** Có thể gây kích ứng nhẹ, khó chịu mắt tức thời.

**MẪN CẢM VỚI DA VÀ HỆ HÔ HẤP:** nếu sản phẩm bị quá nhiệt trong điều kiện có mặt của nước thì có thể phát tán hydro sulfide gây nên hiện tượng khó thở, ngừng thở, hôn mê và thậm chí là tử vong mà không thể nhận biết bất cứ mùi nào.

**BIẾN ĐỔI TẾ BÀO:** không có dữ liệu chứng minh sản phẩm hay các thành phần của sản phẩm gây bất cứ vấn đề nào liên quan đến biến đổi tế nào.

**GÂY UNG THƯ:** Nghiên cứu trên động vật chứng minh sản phẩm không gây ung thư.

**ĐỘC TÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG SINH SẢN:** Không có bất kỳ dữ liệu nào chứng minh sản phẩm hay các thành phần trong sản phẩm có độc tính ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.

**DỊ TẬT BẨM SINH:** Không có dữ liệu.

**ĐỘC TỐ HỮU CƠ (PHÁT THẢI MỘT LẦN):** Không có dữ liệu.

**ĐỘC TỐ HỮU CƠ (PHÁT THẢI NHIỀU LẦN):** Không có dữ liệu.

**NGUY HẠI KHI HÍT PHẢI:** Không có dữ liệu.

## 12. THÔNG TIN SINH THÁI

Tránh gây ô nhiễm nguồn nước.

**ĐỘC TÍNH:** gây hại cho thủy sinh nếu tác động trong thời gian dài.

**KHẢ NĂNG TỰ PHÂN HỦY VÀ TÀN DƯ TRONG MÔI TRƯỜNG:** khả năng tự phân hủy sinh học hạn chế.

**KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC:** không có dữ liệu.

**SỰ DI CHUYỂN TRONG ĐẤT:** Sản phẩm bị hấp thụ vào đất, bùn nếu bị chảy ra ngoài.

## 13. KHUYẾN CÁO THẢI BỎ

**XỬ LÝ CHẤT THẢI:** Không được xả thải vào nguồn nước, đất. Không được chôn lấp. Sản phẩm thải bỏ phải được thu hồi và tái chế bởi các công ty được cấp phép theo quy định.

**CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG:** thùng chứa rỗng có thể có cặn dầu và gây nguy hiểm. Không nén, cắt, hàn, khoan, mài thùng chứa làm phát sinh tia lửa điện hoặc bằng các nguồn dễ gây kích cháy khác. Điều này có thể gây nên thương tích và tử vong. Thùng chứa rỗng nên để ráo hoàn toàn và xếp vào một khu riêng biệt. Tất cả thùng chứa nên được thải bỏ theo đúng quy định của pháp luật

## 14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

**ĐƯỜNG BỘ:** Không có quy định cho vận chuyển bằng đường bộ.

**ĐƯỜNG THỦY (IMDG):** Không có quy định về vận chuyển bằng đường thủy theo mã IMDG.

**ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG (IATA):** Không có quy định cho vận chuyển bằng đường hàng không.

## 15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT

Không có bất kỳ nguy hại nào theo quy định UN, ADR/RID, IMO và IATA/ICAO.

## 16. THÔNG TIN KHÁC

Tất cả các thành phần tuân thủ theo TSCA. Không cần thiết ghi nhãn theo EU.

**CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ MSDS:** Phòng R&D,QC

**LIÊN HỆ:** Mr Sinh

**Không được sửa đổi bất kỳ thông tin nào trong tài liệu này nếu không được sự đồng ý của AP SAIGON PETRO JSC.**

Thông tin trong tài liệu này được dựa trên những dữ liệu đáng tin cậy tại thời điểm công bố và chỉ liên quan đến các vấn đề cụ thể được nêu trong tài liệu này. Không có sự bảo đảm hoặc diễn đạt nào thể hiện hoặc ngụ ý về sự chính xác hoặc đầy đủ của số liệu và thông tin có trong bảng dữ liệu này.

Dữ liệu và lời khuyên đã cho áp dụng khi sản phẩm bán ra để sử dụng cho một hoặc nhiều ứng dụng đã nêu rõ. Khách hàng không được sử dụng sản phẩm theo cách khác với (những) cách đã nêu mà không hỏi ý kiến của **AP SAIGON PETRO JSC**.

Nghĩa vụ của người sử dụng là đánh giá và sử dụng sản phẩm này an toàn và tuân thủ các luật pháp và quy định được áp dụng. **AP SAIGON PETRO JSC** sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến mất mát, nguy hiểm hay tổn thương do sử dụng khác với công dụng của sản phẩm đã nêu đối với chất này, do không tuân thủ khuyến nghị hoặc do bất kỳ nguy hiểm nào vốn có trong bản chất của sản phẩm. Những người mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba sử dụng tại nơi làm việc có trách nhiệm thực hiện tất cả các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất kỳ người nào xử lý hoặc sử dụng sản phẩm đều được cung cấp thông tin trong tờ này.

Các nhà sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo với nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi những rủi ro được mô tả trong tờ này và cần thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa. Bạn có thể liên hệ với **AP SAIGON PETRO JSC** để đảm bảo tài liệu này là tài liệu mới nhất hiện có. Nghiêm cấm thay đổi đối với tài liệu này.